

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VÀ NHẬN DIỆN YÊU CẦU PHẢN TỐ CỦA BỊ ĐƠN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

ĐẶNG QUANG DŨNG* - NGUYỄN VĂN VINH*

Việc thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố góp phần giúp Thẩm phán giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện và triệt để. Tuy nhiên, hiện nay yếu tố quan trọng để thụ lý, giải quyết đúng yêu cầu phản tố chính là phải có phương pháp phân tích khoa học, nhận diện đúng yêu cầu phản tố thì lại chưa có được quan điểm và cách hiểu thống nhất. Bài viết làm rõ những vấn đề về lý luận và thực tiễn việc thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

Từ khóa: Vụ án, yêu cầu phản tố, Tòa án, tính liên quan, tính độc lập tương đối.

Ngày nhận bài: 15/10/2021; Biên tập xong: 22/11/2021; Duyệt đăng: 02/02/2022

The acceptance and resolution of counterclaim make a significant contribution to support the Judge resolves the case objectively, comprehensively and thoroughly. However, there is still disagreement and misunderstanding in scientific analysis method to correctly identify the counterclaim which is considered as an important factor to accept the counterclaim accurately. This paper sheds light on theoretical and practical matters on the acceptance and resolution of counterclaim in resolving civil cases.

Keywords: Case, counterclaim, the Court, relevancy, relative independence.

1. Một số vấn đề về nhận diện yêu cầu phản tố

Về mặt lý luận, “yêu cầu phản tố” có mối quan hệ biện chứng với “yêu cầu khởi kiện” của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sự biện chứng này được thể hiện ở chỗ nếu không có đơn khởi kiện, yêu cầu độc lập để buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ nhất định thì sẽ không có phản tố. Yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập tác động đến quyền và nghĩa vụ của bị đơn và yêu cầu phản tố cũng tác động ngược lại đến quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, làm cho các đương sự này phải chuyển từ trạng thái chủ động sang trạng thái bị động trong việc tìm ra các căn cứ, lý lẽ để chứng minh bảo vệ quan điểm, quyền lợi của mình đối với yêu cầu phản tố. Và yếu tố quan trọng để nhận diện chính xác yêu cầu phản tố phải được căn cứ vào thuộc tính nhất định của phản tố, mà nếu mất đi một trong các thuộc tính đó thì không

được xem là yêu cầu phản tố, những thuộc tính này bao gồm “tính độc lập tương đối” và “tính liên quan”.

1.1. Tính độc lập tương đối của yêu cầu phản tố

Yêu cầu phản tố được quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 có yếu tố đầu tiên là tính độc lập¹. Tuy nhiên, tính độc lập này được hiểu không phải là “độc lập tuyệt đối”, “đứng ngoài vụ án”, mà sự độc lập này chính là sự “độc lập tương đối”. Sự độc lập tương đối này được thể hiện ở các khía cạnh như sau: (i) Yêu cầu đó góp phần giải quyết triệt để vụ án nếu

* Trường Khoa Thẩm phán, Học viện Tòa án

** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng

¹ Chu Xuân Minh (Nguyên là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) cũng đã từng phân tích về sự độc lập của yêu cầu phản tố tại bài viết “Phản tố trong vụ án ly hôn” tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/phan-to-trong-vu-an-ly-hon>. Trong bài viết này, tác giả bổ sung và làm sáng tỏ thêm tính độc lập, tính liên quan của yêu cầu phản tố.

được thụ lý và giải quyết trong cùng vụ án; (ii) Trường hợp nguyên đơn rút yêu cầu thì có thể thay đổi địa vị tố tụng; (iii) Nếu bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố để giải quyết trong cùng vụ án thì có thể khởi kiện thành vụ án khác mang tính chất riêng lẻ (tính tương đối); (iv) Việc giải quyết vụ án sau không buộc phải xem xét lại kết quả giải quyết của vụ án trước đó, không làm thay đổi kết quả giải quyết của vụ án trước đó.

Ví dụ 1: Ông A là người lao động tại Công ty cổ phần mía đường B (gọi tắt là Công ty) từ tháng 02/2001. Trước đó, ngày 05/01/2015, Công ty có ban hành Thông báo số 01 với nội dung là mức lương phải trả cho người lao động làm việc trong đơn vị là 2.400.000 đồng/tháng và có trao đổi với người thôi việc (trong đó có ông A). Với số lương này, ông đồng ý. Đến ngày 01/08/2015, Công ty ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với cán bộ công nhân viên kể từ ngày 01/08/2015. Ngày 05/8/2015, Công ty ban hành giấy trợ cấp thôi việc và áp dụng mức lương và phụ cấp bình quân 06 tháng trước khi nghỉ việc là 1.150.000 đồng/tháng, mức lương này giữa ông A và Công ty không có trao đổi. Do đó, Công ty không có căn cứ để áp dụng mức lương 1.150.000 đồng/tháng đối với ông. Số tiền trợ cấp thôi việc làm mà Công ty phải trả cho ông như sau: Bình quân 06 tháng lương trước khi ông nghỉ việc là: $(2,72 \times 2.400.000 \times 6): 6 = 6.528.000$ đồng. Số tiền trợ cấp thôi việc làm cho ông là $6.528.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} = 52.244.000$ đồng, trừ đi số tiền ông đã nhận 25.024.000 đồng, còn lại ông được nhận thêm là 27.200.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần mía đường B trả cho ông số tiền trợ cấp thôi việc làm còn lại là 27.200.000 đồng.

Sau đó, Công ty B có văn bản trình bày ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm hai nội dung: (i) Việc ông A trình bày thì Công ty B không đồng ý với yêu

cầu đòi tính mức lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc như ông A trình bày là 2.400.000 đồng. Bởi vì, việc tính mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng là đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật; (ii) Đồng thời, Công ty A yêu cầu Tòa án xem xét buộc nguyên đơn phải hoàn trả tiền mà Công ty B đã tạm ứng công tác phí trong 06 tháng liền kề cho A trước khi A bị thôi việc, với số tiền đã tạm ứng cho ông A là 7.200.000 đồng.

Như vậy, đối với văn bản trình bày ý kiến của ông A, có thể nhận thấy việc Công ty có quan điểm, ý kiến (i) không đồng ý với việc áp dụng mức lương cơ sở là 2.400.000 đồng/tháng chính là sự phản đối của bị đơn đối với nguyên đơn. Sự phản đối này nhằm khẳng định việc áp dụng mức lương 1.150.000 đồng/tháng là phù hợp; đồng thời, Công ty B cũng đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu này để Tòa án xem xét. Như vậy, yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố vì yêu cầu này không độc lập với yêu cầu của nguyên đơn và không thể lựa chọn giải quyết bằng vụ án khác mà bắt buộc Tòa án phải xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Nhưng đối với lời trình bày (ii) của Công ty B đối với ông A về việc yêu cầu ông A hoàn trả tiền tạm ứng công tác số tiền 7.200.000 đồng thì đây chính là yêu cầu phản tố. Bởi lẽ, yêu cầu này độc lập, nếu được chấp nhận sẽ dẫn đến việc bù trừ nghĩa vụ của nguyên đơn đối với bị đơn, đặc biệt là công ty không yêu cầu phản tố trong vụ án này thì vẫn hoàn toàn có thể giải quyết bằng vụ án khác, việc giải quyết vụ án tranh chấp về lao động sau này không buộc phải xem xét lại bản án về lao động trước đó là đúng hay sai.

Ngoài ra, tính độc lập còn thể hiện ở chỗ yêu cầu đó có “nằm ngoài phạm vi” giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ví dụ 2: A khởi kiện đòi B trả nợ

100.000.000 đồng, có thể xảy ra một số tình huống sau:

B khai rằng không vay hoặc đã trả rồi thì đó là ý kiến không đồng ý trả tiền vay chứ không phải là một yêu cầu mới. Dù có hay không có lời khai của B như trên thì Tòa án vẫn phải phán quyết có vay hay không và còn nợ hay không. Do đó, trường hợp này không có phản tố.

B khai rằng không trả A vì A còn nợ B tiền mua hàng 150.000.000 đồng. Nợ tiền mua hàng là quan hệ khác với nợ tiền vay. Nhưng nếu B chỉ khai lý do không trả nợ thì cũng không phải là phản tố, Tòa án vẫn buộc B trả nợ A số tiền 100.000.000 đồng tiền vay và không giải quyết về việc nợ mua hàng.

B khai rằng A còn nợ B tiền mua hàng 150.000.000 đồng, yêu cầu buộc A trả tiền nợ mua hàng để bù trừ nợ vay. Đây là trường hợp có yêu cầu phản tố, Tòa án mới giải quyết yêu cầu theo thủ tục phản tố (giống với thủ tục khởi kiện).

Ví dụ 3: A đứng tên chủ sở hữu nhà X và có hợp đồng cho B thuê ngôi nhà X. A khởi kiện đòi chấm dứt hợp đồng thuê nhà, B không đồng ý trả vì đã mua nhà của A và yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán nhà. Vì vậy, yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán nhà nằm ngoài yêu cầu của nguyên đơn, nên là yêu cầu phản tố.

Nếu A khởi kiện đòi B trả lại ngôi nhà X với lý do A mua nhà của C và cho B ở nhờ. B không đồng ý trả và xác định B mới là người mua nhà của C. Đây là trường hợp ngay trong yêu cầu khởi kiện của A đã có yêu cầu sở hữu ngôi nhà X. Vì vậy, yêu cầu của B cũng đòi công nhận mình là chủ sở hữu ngôi nhà đã nằm trong phạm vi phán quyết yêu cầu của A. Do đó, trường hợp này không phải là yêu cầu phản tố.

Như vậy, qua các tình huống nêu trên,

có thể xác định yêu cầu phản tố có tính độc lập, không cùng yêu cầu của nguyên đơn (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập)³, không nằm trong phạm vi xét xử của Tòa án đối với yêu cầu của nguyên đơn (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập), có thể được giải quyết bằng một vụ án riêng; việc giải quyết trong cùng vụ án sẽ bảo đảm giải quyết vụ án toàn diện, tiết kiệm thời gian và chính xác hơn.

1.2. Tính liên quan của yêu cầu phản tố

Bên cạnh “tính độc lập tương đối”, yêu cầu phản tố cũng phải có “tính liên quan”. “Tính liên quan” không mâu thuẫn với “tính độc lập tương đối” của yêu cầu phản tố mà nó đóng góp quan trọng trong việc hợp thành yêu cầu phản tố. Tính liên quan được hiểu và được nhận diện dựa vào chính “quan hệ pháp luật tranh chấp” hoặc liên quan một phần hoặc toàn bộ “nội dung tranh chấp” mà Tòa án đang thụ lý, giải quyết (nếu được thụ lý, giải quyết trong cùng một vụ án). Khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố thì có “khả năng” dẫn đến hệ quả khi phán quyết: Để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn⁴.

Ví dụ 1: Vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn A yêu cầu bị đơn B thanh toán tiền hàng hóa cung ứng thép trong đợt giao hàng ngày 01/01/2020 với số tiền là 2 tỉ đồng và Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về

² Chu Xuân Minh, *Tư pháp thực hành*, Nxb. Hà Nội năm 2020, các tr.148,149,157,158

³ Tham khảo Nghị quyết số 05/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 03/12/2012

⁴ Khoản 2 Điều 200 BLTTDS năm 2015

hợp đồng mua bán hàng hóa”. Như vậy, yêu cầu phản tố (nếu có) của bị đơn phải liên quan đến quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” trong quá trình giải quyết vụ án nếu B yêu cầu A phải có nghĩa vụ “thanh toán lại số tiền 300.000.000 đồng mà phía B đã ứng trước để bên A nhập hàng hóa và chế tạo nên sản phẩm bán cho A”. Như vậy, yêu cầu của B đối với nguyên đơn A chính là yêu cầu phản tố vì yêu cầu này của B có liên quan đến nội dung tranh chấp giữa A và B, nếu được chấp nhận sẽ dẫn đến loại trừ một phần nghĩa vụ của B đối với A, nếu không yêu cầu trong vụ án này thì B cũng có thể khởi kiện thành vụ án khác.

Ví dụ 2: A xin ly hôn B với 2 yêu cầu là ly hôn, nuôi con. B yêu cầu chia tài sản chung. Ý kiến của B là độc lập, không cùng với yêu cầu của A, nằm ngoài phạm vi giải quyết của Tòa án theo yêu cầu của A. Xác định là yêu cầu phản tố, Tòa án đã thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. B giữ nguyên yêu cầu phản tố. A rút yêu cầu nên quan hệ hôn nhân không được giải quyết thì không thể chia tài sản khi ly hôn được. Trường hợp này, Tòa án hướng dẫn cho B thay đổi yêu cầu khởi kiện là chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, B sẽ trở thành nguyên đơn, A là bị đơn.

Như vậy, trong trường hợp này, yêu cầu bị đơn không cùng với yêu cầu nguyên đơn, nằm ngoài phạm vi giải quyết của Tòa án đối với yêu cầu nguyên đơn, nhưng việc thay đổi địa vị tố tụng không đương nhiên được thực hiện mà cần có sự thay đổi quan hệ tranh chấp cho phù hợp. Đây là trường hợp yêu cầu phản tố bị đơn độc lập tương đối, phụ thuộc vào yêu cầu của nguyên đơn.

Ở khía cạnh ngược lại, không phải bất kỳ yêu cầu nào của bị đơn đối với nguyên đơn mặc dù có “tính liên quan” đến nội dung vụ án hoặc quan hệ pháp luật đang

được Tòa án thụ lý nhưng lại không phải là yêu cầu phản tố như tình huống sau đây:

Ví dụ 3: Công ty trách nhiệm hữu hạn dệt may A (viết tắt là Công ty A) có trụ sở tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ngày 15/5/2015, Công ty A có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại B (viết tắt là Công ty B), có trụ sở tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng này, Công ty A sẽ bán cho Công ty B một lô vải, tiêu chuẩn Việt Nam trị giá 500.000.000 đồng. Thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 20/7/2015. Phương thức thanh toán 100% giá trị tiền hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ số lượng hàng. Ngày 20/7/2015, Công ty A đã tiến hành giao hàng đầy đủ cho Công ty B; hai bên lập biên bản giao nhận về số lượng hàng. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày hai bên giao nhận hàng, phía Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Ngày 07/7/2016, Công ty A đã có đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu Công ty B phải thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty B trình bày lý do chưa thanh toán tiền hàng là do Công ty A đã giao hàng kém chất lượng, không đúng theo tiêu chuẩn. Do vậy, sau khi nhận hàng vào ngày 20/7/2015, Công ty B đã phải gửi trả lại hàng để Công ty A xử lý kỹ thuật. Ngày 15/8/2015, Công ty A mới giao lại hàng. Tuy nhiên, sau khi đã được xử lý kỹ thuật, số hàng vẫn không đạt yêu cầu; vì thế không thể bán được lô hàng này cho các đối tác khác đã đặt mua. Phía Công ty B cũng đã có đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải bồi thường thiệt hại do đã giao hàng không đúng chất lượng và đã vi phạm thời hạn giao hàng với số tiền là 120.000.000 đồng.

Yêu cầu Công ty B đối với Công ty A

về việc bồi thường thiệt hại không thể được xem là yêu cầu phản tố mà yêu cầu này của B chỉ là ý kiến phản đối với ý kiến của A. Đây là ý kiến phản bác lại đối với nguyên đơn, nếu được chấp nhận dẫn đến loại trừ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu nguyên đơn, có liên quan chặt chẽ tới việc phán quyết của Tòa án do yêu cầu bồi thường thiệt hại chính là một phần của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bồi thường thiệt hại gắn liền, bổ trợ trong việc xác định tính hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, không thể thụ lý thành vụ án riêng khác mà buộc phải được giải quyết triệt để trong cùng một vụ án. Nếu Tòa án xác định là yêu cầu phản tố mà bị đơn không thực hiện việc làm thủ tục để thụ lý yêu cầu phản tố, dẫn đến hậu quả Tòa án không xem xét yêu cầu này của họ trong vụ án thì sau này họ mất quyền khởi kiện vụ án độc lập, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (sự việc đã được giải quyết bằng bản án). Muốn khôi phục quyền lợi cho họ thì Tòa án phải hủy bản án về tranh chấp hợp đồng nêu trên.

2. Tính độc lập tương đối và tính liên quan của yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt khi giải quyết vụ án dân sự

Trước đây, theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành Điều 32a của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của BLTTDS (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 01), không có quy định nào xác định nếu bị đơn yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt thì yêu cầu này là yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, tại Điều 6 của Thông tư liên tịch số 01 nêu trên về “Tạm ứng án phí, án phí” thì rõ ràng chỉ khi Tòa án chấp nhận thụ lý yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt với tư cách là “yêu cầu phản tố” của bị đơn thì mới có thủ tục về tạm ứng án phí, án

phí⁵. Mặc dù vậy, Thông tư này hiện nay không còn hiệu lực do BLTTDS năm 2015 đã thay thế BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Quy định tại Điều 34 của BLTTDS năm 2015 về “Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức” có quy định: “*Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết*”.

Ví dụ: Theo đơn khởi kiện, vào năm 1993, ông Nguyễn Văn A có cầm cố cho bị đơn Trần Văn B phần đất có diện tích 10.000m² đất tọa lạc tại thửa số 67, tờ bản đồ số 03 với giá 3 cây vàng 24k với thời hạn cầm cố là 3 năm, nếu sau ba năm mà A không chuộc lại đất thì B canh tác đến khi nào A có đủ vàng để chuộc lại đất. Phần đất này A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đi làm ăn xa ở Thành phố Hồ Chí Minh nên A chưa có đủ vàng để về quê và gặp B chuộc lại đất. Năm 2017, A về gặp B chuộc lại đất nhưng B không đồng ý vì đất này B nhận chuyển nhượng của A (B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nay A khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất. Bị đơn B có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện X đã cấp cho A, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là của B. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử có quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện X đã cấp cho Nguyễn Văn A năm 1993 nếu có căn cứ chứng minh rằng A đã chuyển nhượng đất cho B.

Như vậy, Điều 34 BLTTDS năm 2015 đã quy định về quyền chủ động⁶ của Hội

⁵ Điều 6. Tạm ứng án phí, án phí: “Đương sự không phải nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật”.

⁶ tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu/yeu-cau-phan-to-

đồng xét xử thì việc thụ lý yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt với tư cách là *yêu cầu phản tố* sẽ không cần thiết và cũng không cần xác định yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt là yêu cầu phản tố. Trong trường hợp này, yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt cũng chỉ là ý kiến của bị đơn đối với nguyên đơn. Mặc dù yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt có liên quan đến “*quan hệ pháp luật tranh chấp*” mà Tòa án đang thụ lý, giải quyết nhưng tính độc lập thì không có vì yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt này phải được giải quyết trong cùng vụ án này, không thể tách riêng thụ lý thành vụ án khác, trừ trường hợp yêu cầu này đã được thụ lý vụ án hành chính trước khi thụ lý vụ án dân sự. Mặt khác, nếu không thụ lý phản tố mà chủ động xem xét trong quá trình giải quyết vụ án thì cũng rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 34 của BLTTDS năm 2015, việc Hội đồng xét xử có quyền hủy quyết định hành chính cá biệt nhằm giải quyết toàn diện và triệt để vụ án dân sự, thẩm quyền này “*có phụ thuộc*” hay “*không phụ thuộc*” (quyền chủ động của Hội đồng xét xử) vào việc bị đơn có yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt của chủ thể có thẩm quyền đã cấp cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không? Hay Hội đồng xét xử không có quyền chủ động hủy quyết định hành chính cá biệt chỉ vì muốn giải quyết toàn diện và triệt để vụ án mà bị đơn phải có ý kiến bằng văn bản thì mới đủ điều kiện để xem xét.

3. Phương pháp xác định yêu cầu phản tố

3.1. Yêu cầu phản tố là quan hệ pháp luật độc lập về dân sự

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị

đơn thường có ý kiến, quan điểm, đề nghị đối với yêu cầu nguyên đơn, có thể đồng ý, đồng ý một phần hay phản đối và đưa ra lý do căn cứ của mình. Việc xác định ý kiến của bị đơn là ý kiến hay yêu cầu phản tố là rất quan trọng, liên quan đến thủ tục, quyền lợi của họ, cũng như hậu quả pháp lý khi Tòa án ban hành các phán quyết.

Bị đơn có thể đưa ra một ý kiến hoặc nhiều ý kiến, Thẩm phán phải xem xét từng ý kiến, ý kiến nào là yêu cầu phản tố để giải thích quyền, nghĩa vụ, hướng dẫn đương sự thủ tục phản tố. Để xác định ý kiến là phản tố hay không thì trước hết xác định yêu cầu đó là quan hệ pháp luật về dân sự (theo nghĩa rộng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đang giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật có thể cùng với quan hệ pháp luật đang giải quyết hoặc khác quan hệ pháp luật đang giải quyết⁷. Yêu cầu của bị đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp trên thì hướng dẫn họ khởi kiện vụ án độc lập khác, không thể giải quyết trong cùng vụ án đang giải quyết được.

Lưu ý: Yêu cầu của bị đơn đề nghị hủy Quyết định cá biệt chỉ là ý kiến, bản chất là yêu cầu về hành chính được thụ lý giải quyết cùng trong vụ án dân sự. Tòa án cũng có thể chuyển từ vụ án dân sự sang vụ án hành chính độc lập⁸ khi đương sự rút toàn bộ yêu cầu về dân sự. Tòa án chỉ xem xét, phán quyết đối với tính hợp pháp của quyết định cá biệt đó mà không có quyền phán quyết về nội dung tranh chấp dân sự. Do không đáp ứng được “*tính liên quan*” và khác quan hệ tranh chấp nên yêu cầu hủy quyết định cá biệt không là yêu cầu phản tố.

3.2. Phân biệt nội dung yêu cầu với quan hệ pháp luật tranh chấp

Việc xác định được yêu cầu của bị đơn

van-con-quan-diem-khac-nhau-trong-thuc-tien-xet-xu; Điều 2 Mục 2 Công văn 64 ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao

⁷ Xem thêm Điều 4 Mục IV Giải đáp số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao

⁸ Tham khảo Điều 9 Mục II Công văn 212 ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao

là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết thì bước tiếp theo xác định có khác với yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không. Yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm những nội dung gì, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp để xác định Tòa án có thẩm quyền. Có thể có nhiều yêu cầu nhưng chỉ có một quan hệ tranh chấp, hoặc các quan hệ pháp luật khác nhau. Yêu cầu phản tố khác với nội dung yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; có thể cùng quan hệ tranh chấp hoặc khác quan hệ tranh chấp.

3.3. Xác định phạm vi giải quyết vụ án theo yêu cầu nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

Việc xác định yêu cầu của bị đơn không cùng với yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chưa đủ, cần xác định yêu cầu đó có nằm ngoài phạm vi giải quyết của Tòa án đối với yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập hay không. Chẳng hạn: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bị đơn yêu cầu công nhận di chúc thì phạm vi giải quyết vụ án vẫn là chia di sản thừa kế, dù có khác nhau về nội dung yêu cầu nhưng vẫn nằm trong phạm vi giải quyết vụ án chia di sản thừa kế của Tòa án, nên xác định chỉ là ý kiến⁹; hoặc bị đơn yêu cầu xác định di sản là của bị đơn hay yêu cầu trích công sức tu bổ, cải tạo di sản thì vẫn thuộc phạm vi giải quyết vụ án thừa kế¹⁰.

3.4. Xác định quyền lợi liên quan đến vụ án đang giải quyết

Khi có ý kiến của bị đơn là quan hệ pháp luật dân sự, không cùng với ý kiến

nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì cần xem xét ý kiến đó có liên quan chặt chẽ tới việc giải quyết vụ án hay có thể tách ra giải quyết bằng một vụ án khác.

Chúng ta tư duy theo hai hướng: Chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ cụ thể của bị đơn như thế nào, để từ đó xác định tính liên quan của ý kiến phản đối của bị đơn. Dù xét xử theo hướng nào mà vẫn bắt buộc phải xem xét ý kiến phản đối của bị đơn thì đó là ý kiến. Trường hợp Tòa xét xử vụ án mà không xem xét đến ý kiến của bị đơn mà không mất đi quyền khởi kiện của bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật, đó là yêu cầu phản tố.

3.5. Tư duy về hậu quả pháp lý

Việc xác định không đúng yêu cầu phản tố hay ý kiến dẫn đến hậu quả pháp lý khác nhau. Nếu ý kiến bị đơn là yêu cầu phản tố nhưng lại xác định là ý kiến, Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu này trong khi họ không có đơn yêu cầu như thủ tục khởi kiện của nguyên đơn thì vi phạm về phạm vi giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 5 BLTTDS năm 2015, bản án có thể bị hủy vì vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại ý kiến bị đơn là phản tố thì có thể ra quyết định tạm ngừng phiên tòa để bị đơn hoàn thiện thủ tục phản tố. Thời gian từ khi đương sự có yêu cầu đến khi mở phiên tòa không tính vào thời hiệu, thời hạn khởi kiện của đương sự vì lỗi của cơ quan nhà nước.¹¹

Ngược lại, nếu chỉ là ý kiến của bị đơn nhưng Tòa án lại xác định là yêu cầu phản tố thì sẽ gây khó khăn cho đương sự. Nếu bị đơn thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố

⁹ <https://kiemsat.vn/vi-pham-trong-xac-dinh-yeu-cau-phan-to-khi-toa-an-giai-quyet-vu-an-dan-su-60538.html>

¹⁰ Xem thêm án lệ số 05 năm 2016

¹¹ Tham khảo điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011 ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

theo hướng dẫn của Tòa án thì ý kiến của họ đã được giải quyết, không bị coi là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Trường hợp bị đơn thực hiện thủ tục chậm trễ, quá thời hạn hoặc không làm thủ tục phản tố nên ý kiến của họ không được xem xét giải quyết trong vụ án dẫn đến quyền lợi của họ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Họ bị mất quyền khởi kiện bằng vụ án độc lập, quyết định, bản án của Tòa có thể bị hủy để xét xử lại.

4. Kiến nghị, đề xuất hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật

Nghị quyết số 05/2012/NQHĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS đã hướng dẫn cụ thể về một số đặc trưng của phản tố. Tuy nhiên, Nghị quyết này chưa thể hiện rõ tính liên quan của yêu cầu phản tố. Mặt khác, Nghị quyết này hiện nay đã hết hiệu lực cùng với sự chấm dứt của BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Để đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật, tác giả kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 05/2012/NQHĐTP nêu trên, đồng thời làm rõ thuộc tính cơ bản của yêu cầu phản tố theo hướng: *“Phản tố của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản tố đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là việc bị đơn thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ý kiến phản đối này của bị đơn có liên quan đến quan hệ pháp luật tranh chấp, một phần hoặc toàn bộ nội dung tranh chấp mà Tòa án đang thụ lý và có thể được thụ lý trong cùng vụ án để nhằm thúc đẩy giải quyết vụ án được toàn diện hoặc cũng có thể thụ lý thành vụ án độc lập khác”*.

Ngoài ra, đối với thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với quyết định hành chính cá biệt quy định tại khoản 1 Điều 34 của BLTTDS, tác giả cũng kiến nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể như sau: *“Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, nếu có yêu cầu của đương sự về việc hủy quyết định hành chính cá biệt hoặc trong trường hợp đương sự không yêu cầu mà Tòa án xét thấy cần thiết thì Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết...”*.

Điều 245 của BLTTDS năm 2015 về thay đổi địa vị tố tụng cũng cần sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật: *“1. Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình thì bị đơn trở thành nguyên đơn, trừ trường hợp yêu cầu phản tố phụ thuộc vào yêu cầu của nguyên đơn dẫn đến phải thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp...”*

5. Kết luận

Trong quá trình giải quyết vụ án, xuất hiện những ý kiến, yêu cầu, quan điểm của các đương sự phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Thẩm phán cần phân biệt đó là yêu cầu phản tố hay chỉ là ý kiến để có hướng xử lý vụ án. Khi nắm bắt được phương pháp phân tích và nhận diện đúng yêu cầu phản tố sẽ góp phần tăng cường hiệu quả công tác thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố tại Tòa án, tiết kiệm được thời gian, công sức của đương sự, của Tòa án trong quá trình xác minh, thu thập, đánh giá chứng cứ. Đồng thời, việc thụ lý đúng phản tố sẽ thúc đẩy vụ án được giải quyết chính xác, toàn diện hơn, triệt để hơn và đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc nhận diện, xác định sai sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, uy tín của Tòa án./.